TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày: 23-3-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Tác

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 537/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-DS ngày 25/02/2026, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (có mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

****Bị đơn:*** *Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1970 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

-Ông Chu Trọng L, sinh năm 1950 (là chồng bà H) (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

-Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 02/8/2019 âm lịch, bà có cho anh Nguyễn Tiến D vay số tiền 50.000.000

đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 02/8/2019 âm lịch (tức ngày 31/8/2019 dương lịch), có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn 02 tháng trả lãi 1 lần, khi nào bà cần thì báo trước 1 tháng và hẹn cuối năm 2020 thì có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi. Khi vay mục đích vay ông D nói để lấy vốn lắp điện nước. Sau khi cho ông D vay số tiền xong trên thì ông D mới trả lãi được cho bà được 8 tháng kể từ ngày vay, cho đến ngày 02/3/2020 âm lịch thì không trả được được số tiền lãi nào nữa, còn số tiền gốc thì ông D chưa trả được số tiền nào và bà đã đòi nhiều lần nhưng ông D vẫn chưa trả được số tiền gốc và lãi nào. Bà xác định chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 02/8/2019 âm lịch là do bà viết, còn chữ ký "Nguyễn Tiến D" tại mục người vay tiền ký là do ông D viết và ký. Bà xác định đây là tiền chung của vợ chồng bà, và là nợ riêng của anh Nguyễn Tiến D, không liên quan đến vợ ông D là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974.

Nay bà yêu cầu cá nhân ông D phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 50.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 10%/năm, tính từ ngày 02/8/2019 âm lịch (tức ngày 31/8/2019 dương lịch) cho đến ngày xét xử, và yêu cầu trừ vào số tiền lãi mà ông D đã trả được 8 tháng tổng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bà yêu cầu tính tiền lãi trong thời gian từ ngày vay đến ngày xét xử nhưng làm thành 06 năm 06 tháng.

*Bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với con trai bà H, nên ngày 02/8/2019 âm lịch, ông có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 02/8/2019 âm lịch (tức ngày 31/8/2019 dương lịch), có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn 02 tháng trả lãi 1 lần, khi nào bà H cần thì báo trước cho bà H 1 tháng. Khi vay mục đích vay để lấy vốn lắp điện nước. Sau khi vay thì ông xác định đã trả được cho bà H được 10.000.000 đồng số tiền lãi, còn số tiền gốc chưa trả được số tiền nào. Ông xác định chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 02/8/2019 âm lịch là do bà H viết, còn chữ ký "Nguyễn Tiến D" tại mục người vay tiền ký là do ông viết và ký. Ông xác định đây là nợ riêng của cá nhân ông, vì khi vay bà H vợ ông là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 không biết và ông không bàn bạc với bà N.

Nay bà H yêu cầu cá nhân ông phải trả cho vợ chồng bà H số tiền gốc 50.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 02/8/2019 âm lịch (tức ngày 31/8/2019 dương lịch) cho đến ngày xét xử, và yêu cầu trừ vào số tiền lãi mà ông D đã trả được 8 tháng tổng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì ông đồng ý trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì ông xin không trả vì hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa ông D có mặt, ông đồng ý trả số tiền gốc và xin miễn lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Trọng L (chồng bà H) trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của bà H, không bổ sung gì. Vì lý do sức khỏe, ông ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của bà H là quyết định của ông.

Tại phiên tòa ông L xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (vợ ông D) trình bày:

Việc vya mượn giữa ông D với bà H cụ thể như thế nào thì bà không được biết, đến nay Tòa án thông báo thì bà mới được biết. Khi ông D vay của bà H thì không bàn bạc gì với bà, bà xác định đây là nợ riêng của ông D, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng. Bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bà N xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 -Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Tiến D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Chu Trọng L số tiền gốc là 50.000.000 đồng (ăm mươi triệu đồng) và số tiền là 32.500.000 đồng, trừ đi số tiền lãi 10.000.000 đồng, còn 22.500.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 72.500.000 đồng (bẩy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự: ông Nguyễn Tiến D phải chịu 3.625.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến D trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là Khu V -Bắc Ninh). Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Tiến D trả số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều xác định, ngày 02/8/2019 âm lịch (tức ngày 31/8/2019 dương lịch), ông Nguyễn Tiến D có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, có thỏa thuận lãi. Hai bên đều xác định ông D đã trả được số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi, còn số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì ông D chưa trả được. Như vậy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu cá nhân ông

Nguyễn Tiến D trả số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: bà Nguyễn Thị H xác định là nợ riêng của ông Nguyễn Tiến D và là tài sản chung của vợ chồng bà H. Ông D và bà N cũng xác định là nợ riêng của cá nhân ông D. Do vậy, buộc cá nhân ông Nguyễn Tiến D phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Chu Trọng L là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, khi vay hai bên đều xác định có lãi, không có thời hạn trả, và hai bên xác định ông D đã trả được số tiền 10.000.000 đồng, như vậy xác định là hợp đồng vay có lãi, không thời hạn. Nay bà H yêu cầu mức lãi là 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi từ ngày 02/8/2019 âm lịch (tức ngày 31/8/2019 dương lịch) cho đến ngày xét xử của số tiền 50.000.000 đồng là 6 năm 6 tháng 23 ngày, nhưng tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu thời gian tính lãi là 6 năm 6 tháng là 32.500.000 đồng và trừ đi số tiền lãi ông D đã trả 10.000.000 đồng, còn lại 22.500.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị H được miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Tiến D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Chu Trọng L số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và số tiền là 32.500.000 đồng, trừ đi số tiền lãi 10.000.000 đồng, còn 22.500.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 72.500.000 đồng (bẩy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: ông Nguyễn Tiến D phải chịu 3.625.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn).

Bà Nguyễn Thị H được miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự